

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ THỌ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Thái Quang Thọ

2. Bà Trần Hằng Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Phan Tường Linh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T - sinh năm 1997.

Nơi ĐKNKTT: Khu H, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu L, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

*Bị đơn:* Anh Phạm Văn B - sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu H, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn B ngày 07/7/2014, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh B tại khu H, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau, anh B chơi bời không lo cho gia đình và con cái. Đến tháng 4 năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, từ đó đến nay vợ chồng sống ly

thân, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Trà M - sinh ngày 11/8/2016 và Phạm Quốc T - sinh ngày 30/12/2018. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức: Không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

\_Về công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn B không đến Tòa án để trình bày quan điểm mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Như vậy anh B đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên anh B không có bản tự khai trình bày quan điểm và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

\*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Phạm Văn B.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Trà M - sinh ngày 11/8/2016 và Phạm Quốc T - sinh ngày 30/12/2018 và anh Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do anh B vắng mặt không có lời trình bày nên các quan hệ trên cần tách ra khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, qua lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn, giải quyết về con chung giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Văn B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh B có nơi cư trú tại xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh B cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh B không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 29/9/2021, bị đơn anh Phạm Văn B đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Văn B đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Phạm Văn B.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, đó là cuộc hôn nhân tiền bộ và hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh B ở khu H, xã H, thị xã P. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh B chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 4/2021 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở khu Lũng Thượng, xã Hà Thạch sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Nay, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh B. Qua biên bản xác minh và ý kiến của chính quyền địa phương xã H nơi vợ chồng anh chị chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân như vậy mục đích hôn nhân không đạt và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên đương sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T và anh B đã ly thân, chấm dứt quan hệ, không quan tâm đến nhau như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, khó có thể hàn gắn được. Đặc biệt, quá trình làm việc mặc dù anh B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, qua đó khẳng định anh B không thiết tha để hàn gắn tình cảm, như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên việc chị T khởi kiện xin ly hôn anh B là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Phạm Văn B.

[3]. *Về con chung*: Chị T và anh B có 02 con chung là Phạm Trà M - sinh ngày 11/8/2016 và Phạm Quốc T - sinh ngày 30/12/2018. Ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh B vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hai con chung của chị T và anh B còn nhỏ rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và anh B lại không thể hiện quan điểm nên cần xử giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của

pháp luật. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, công sức*: Chị T trình bày không có. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh B vắng mặt nên không có lời trình bày, do đó không biết các quan hệ trên có hay không. Do vậy, các quan hệ này cần được tách ra khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5]. *Về công nợ*: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Do anh B vắng mặt không có quan điểm nên quan hệ này cũng tách ra khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82; điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.*Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Phạm Văn B.

2.*Về con chung*: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Trà M - sinh ngày 11/8/2016 và Phạm Quốc T - sinh ngày 30/12/2018 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Thanh T.

Anh Phạm Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3.*Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003752 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thu Hiền**

